

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2022.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly
hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đoàn.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: Ấp A, xã, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Anh Lê Văn P, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2021, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

- **Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:** Chị T và anh P tự tìm hiểu quen nhau và gia đình đồng ý tổ chức đám cưới năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp ngày 17/01/2017. Trong thời gian sống chung vợ chồng hạnh phúc được khoảng một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, quan điểm không phù hợp do

anh P tính tình nóng nảy, thường hay đánh đập chị làm cho quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn không thể tiếp tục sống chung được nữa và đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, từ khi ly thân đến nay chị với anh P có gặp nhau nhưng không hàn gắn được. Con chung tên Lê A, sinh ngày 01/12/2017, hiện nay đang sống chung với chị T. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu: Ly hôn với anh Lê Văn P, con chung Lê A, sinh ngày 01/12/2017, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Văn P trình bày:* Thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung và có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung thường hay cự cãi với nhau chuyện nhỏ nhặt trong gia đình nhưng cũng không trầm trọng, đến khoảng tháng 9 năm 2021 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do cháu A về nhà mẹ vợ chơi, anh P đến thăm con nhưng chị vợ và bà mẹ vợ không cho thăm con, xô đẩy không cho lại gần con và anh P có phản ứng lại làm mẹ vợ té gãy tay nên chị T có ác cảm và về nhà cha mẹ vợ sống từ khoảng tháng 10/2021 đến nay. Hiện nay anh P làm xây dựng và làm đá hoa cương, thu nhập một tháng khoảng 7 đến 8 triệu.

Nay anh Lê Văn P yêu cầu: Không thống nhất ly hôn với chị T, con chung không thống nhất giao cháu Lê A, sinh ngày 01/12/2017 cho chị T nuôi dưỡng, anh P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A đến trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Yêu cầu ly hôn với anh P, yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê A, sinh ngày 01/12/2017, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

Tại phiên tòa anh Lê Văn P trình bày: Thống nhất ly hôn với chị T, thống nhất giao cháu Lê A cho chị T nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu.

Tại phiên tòa kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, khoản 81, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh P, công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh P, giao cháu

Lê A cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh P không cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lê Văn P, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp Nam, xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị T và anh P, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh P, yêu cầu nuôi con, nên phát sinh tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh P là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh chị và gia đình hai bên không tìm cách giải quyết và hàn gắn tình cảm.

Tại phiên tòa chị T và anh P thống nhất thuận tình ly hôn cùng nhau, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh P là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1.] Về nuôi con chung chưa thành niên:

Có một người con chung tên Lê A, sinh ngày 01/12/2017, đang sống chung với chị T và chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu A. Anh P không thống nhất giao cháu A cho chị T nuôi dưỡng, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con, nên phát sinh tranh chấp việc nuôi con chung chưa thành niên.

Tại phiên tòa chị T và anh P thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê A, sinh ngày 01/12/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi, anh P không cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Hội đồng xét xử công nhận sự tự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lê Văn P, tiếp tục giao cháu Lê A, sinh ngày 01/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi là phù

hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu A không ai được cản trở.

[2.2.2.] Về cấp dưỡng cho con: Do chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con và anh P cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Lê Văn P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lê Văn P.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lê Văn P.

Giao cháu Lê A, sinh ngày 01/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn P không phải cấp dưỡng cho cháu A do chị Ngọc T không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Lê Văn P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Lê Văn P không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Lê Văn P.

3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001432 ngày 28/02/2022, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị Ngọc T không phải nộp thêm.

Bị đơn anh Lê Văn P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/4/2021).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Công TTĐT Tòa án;
- UBND xã Tân Thạnh;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ